TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST Ngày: 22-5-2025 Về việc "Xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Minh Lắm.

Ông Đào Quốc Kiểng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mã Thị H, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1981 (vắng mặt không lý do).

Nơi cư trú: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội huyện U (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2025, bà Mã Thị H trình bày*:

Về hôn nhân: Vào năm 2009, bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về nuôi con chung: Bà và ông Nguyễn Văn N có 02 người con chung tên Nguyễn Như Q, sinh ngày 22/9/2011 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 25/5/2015 con chung hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, nếu con có nguyện vọng ở với bà thì bà nuôi và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Nguyễn Văn N có vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện U số tiền là 57.000.000 đồng nhưng bà không yêu cầu ông N trả, bà đồng ý trả số nợ trên cho Ngân hàng.

* Đối với ông Nguyễn Văn N và Ngân hàng chính sách xã hội huyện U đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo các yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị H nhưng ông N và Ngân hàng chính sách xã hội huyện U không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà H và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Mã Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N, nơi cư trú: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, bà Mã Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với ông Nguyễn Văn N và Ngân hàng chính sách xã hội huyện U đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không ly do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà H, ông N và Ngân hàng chính sách xã hội huyện U.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Mã Thị H và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa bà H với ông N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày nên không thể hàn gắn được, vợ chồng chung sống không hoà hợp, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn với ông N. Đối với ông Nguyễn Văn N đã được tống đạt các văn bản tố tụng thông báo việc bà H xin ly hôn nhưng ông N không có ý kiến

gì đối với yêu cầu của bà H. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được không thể hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Mã Thị H về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Cho bà Mã Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn N (bà H và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 230 ngày 29/12/2009).

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Mã Thị H và ông Nguyễn Văn N có người con chung tên Nguyễn Như Q, sinh ngày 22/9/2011 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 25/5/2015 sau khi ly hôn con chung có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo về ý kiến của bà H về con chung nhưng ông N không có ý kiến gì. Đồng thời, tại đơn nguyện vọng ngày 25/3/2025 con chung tên Nguyễn Như Q và Nguyễn Gia P có nguyện vọng được sống cùng với bà H. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Như Q, sinh ngày 22/9/2011 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 25/5/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này nhưng ông N không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của bà Mã Thị H.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Mã Thị H không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không có không yêu cầu nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà Mã Thị H xác định quá trình chung sống giữa bà H và ông Nguyễn Văn N có vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện U số tiền 57.000.000 đồng, tuy nhiên bà H không yêu cầu chia mà đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền 57.000.000 đồng và lãi phát sinh. Đối với Ngân hàng chính sách xã hội huyện U đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho Ngân hàng về việc bà H khởi kiện xin ly hôn với ông N nhưng Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với khoản nợ của bà H và ông N nên xem xét, nếu sau này có tranh chấp Ngân hàng chính sách xã hội huyện U có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Mã Thị H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 14 tháng 02 năm 2025, bà H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006953 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm bà Mã Thị H, ông Nguyễn Văn N, Ngân hàng chính sách xã hội huyện U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Mã Thị H về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Cho bà Mã Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn N (bà H và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 230 ngày 29/12/2009).

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Như Q, sinh ngày 22/9/2011 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 25/5/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này nhưng ông N không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của bà Mã Thị H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Mã Thị H không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Ngân hàng không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Mã Thị H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 14 tháng 02 năm 2025, bà H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006953 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

Bản án sơ thẩm bà Mã Thị H, ông Nguyễn Văn N, Ngân hàng chính sách xã hội huyện U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Tiến, huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Viên An, huyện Ngọc Hiển;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi